

NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO THẠC SĨ THÔNG QUA ỨNG DỤNG PHONG CÁCH HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ ĐÀ NẴNG

IMPROVING THE EFFICIENCY FOR TRAINING MASTER THROUGH LEARNING STYLE IN DANANG UNIVERSITY OF ECONOMICS

Ngày nhận bài: 07/07/2017

Ngày chấp nhận đăng: 11/09/2017

Nguyễn Quốc Tuấn, Phùng Thị Phước An

TÓM TẮT

Phong cách học (PCH) là khái niệm để chỉ đặc trưng cốt lõi của mỗi người trong thu thập và xử lý thông tin. Nghiên cứu này vận dụng quan điểm phong cách học của David Kolb (1984) vào việc khảo sát 279 học viên thạc sĩ các niên khóa 2014-2016 để phân loại phong cách học trong 5 ngành học tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng. Nghiên cứu đã xác định đặc điểm phong cách học theo mỗi ngành, từ đó đưa ra các đề xuất định hướng trong thiết kế và triển khai các hoạt động giảng dạy phù hợp. Kết quả nghiên cứu giúp cho giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình thạc sĩ một góc nhìn về đặc điểm của người học, từ đó có phương pháp tiếp cận hiệu quả trong công tác giảng dạy.

Từ khóa: phong cách học; phong cách học phân kỳ, phong cách học đồng hoá; phong cách học hội tụ; phong cách học thích ứng; phương pháp giảng dạy.

ABSTRACT

This study applies opinion of David Kolb learning style survey on 269 students master academic year 2014-2016 the main system to classify learning styles in 5 sectors at the University of Economics, University of Da Nang. Learning style is a concept study to just the core characteristics of each participant in the gathering and processing of information. For those working training and development, identifying learning styles is how deeply understand audience characteristics school, from which design methods and training programs in accordance with the object and brought the highest efficiency.

Keywords: learning style; diverging learning style; assimilating learning style; converging learning style; accommodating learning style; teaching method.

1. Giới thiệu

Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT, 2014) ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ là văn bản quy phạm pháp luật mang tính toàn diện và sâu sắc. Tại Điều 2, Thông tư quy định rõ mục tiêu: “Đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có

năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo”. Tuy nhiên, theo bản tin cập nhật thị trường lao động quý I/2016 do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cùng Tổng cục Thống kê công bố ngày 26-5-2016, số lượng người có trình độ đại học chính quy trở lên bị thất nghiệp khoảng 191.000 người, chiếm trên 43% trong tổng số 441.100 người thất nghiệp. Sự chênh lệch quá lớn giữa mục tiêu đào tạo và chất lượng đầu ra của các chuyên

TS. Nguyễn Quốc Tuấn, ThS. Phùng Thị Phước An, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

ngành đang đề cập khá nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên các diễn đàn khoa học chuyên ngành. Xét riêng trong môi trường giáo dục - đào tạo, điều này phản ánh sự thiếu hiệu quả của quá trình dạy và học, sự gắn kết giữa đào tạo trong nhà trường và nhu cầu trên thị trường lao động, cũng như khả năng học tập và tự phát triển của mỗi học viên.

Nhìn nhận được sự bất cập của xã hội, cũng như luôn giữ trọn trách nhiệm trong công tác dạy và học, giảng viên cùng sinh viên trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng đang nỗ lực để nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt trong các năm gần đây, số nguyện vọng tham gia chương trình thạc sĩ tại trường ngày càng gia tăng. Để đáp ứng được nhu cầu của các cá nhân và đánh giá chính xác nhu cầu của thị trường lao động trong tương lai, Nhà trường cần kết hợp với học viên thạc sĩ để tìm ra và áp dụng phương pháp dạy, phương pháp học hiệu quả thực sự.

Nghiên cứu này giúp nhận diện phong cách học của học viên theo nhóm ngành đào tạo thạc sĩ tại trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng. Chúng tôi mong muốn cung cấp cho giảng viên bức tranh chân thật về người học dưới hình ảnh của phong cách học, làm cơ sở cho việc thiết kế chương trình giảng dạy hiệu quả theo phương pháp giảng dạy tích cực, giúp nâng cao chất lượng đào tạo trình độ thạc sĩ tại nhà trường, với mục đích sau cùng là đào tạo đúng mục tiêu mà xã hội kỳ vọng.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Phương pháp giảng dạy như là yếu tố cơ bản của quá trình dạy học

Phương pháp giảng dạy là một trong những chủ đề quan trọng, nhận được sự quan tâm nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn trong giảng dạy các trình độ khác nhau. Chúng ta đã được chứng kiến các nhà quản lý giáo

dục, các nhà giáo và xã hội quan tâm bàn luận về sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy, về việc có nên áp dụng hay không áp dụng mô hình VNEN và những quan tâm đến áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực. Theo Đặng Xuân Hải (2016), phương pháp là một trong ba yếu tố căn bản (mục tiêu, nội dung, phương pháp) của mô hình giảng dạy tích cực lấy người học làm trung tâm. Các yếu tố mục tiêu, nội dung, phương pháp phải tương thích nhau và phải phù hợp với người học, trung tâm của mô hình. Với quan điểm này, người giảng viên trong thiết kế chương trình đào tạo, cụ thể hơn trong thiết kế và triển khai các hoạt động giảng dạy và áp dụng phương pháp giảng dạy, phải nhất thiết am hiểu được đặc điểm của người học. Cần phải xác định động cơ của người học, đặc điểm tâm lý của họ, đặc điểm về phong cách học. Phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm, thấu hiểu đặc điểm người học để thiết kế các hoạt động giảng dạy tương thích, từ đó làm cho người học tham gia tích cực vào học tập và sáng tạo tri thức chính là cách tiếp cận tích cực trong giảng dạy, được gọi là phương pháp giảng dạy tích cực.

Đã có những nghiên cứu cung cấp bằng chứng việc vận dụng phong cách học mang đến hiệu quả học tập. Mary Wilson (2012) đã chỉ ra được mối tương quan tích cực giữa kết quả học tập của sinh viên tương ứng với sự phù hợp của chiến lược giảng dạy với phong cách học của người học. Cristina Tulbure (2012) đã thực hiện khảo sát kết quả học tập của học sinh trung học và phát hiện mối tương quan giữa kết quả này với mối tương thích giữa chiến lược giảng dạy và phong cách học.

Thiết kế và triển khai các hoạt động giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực là định hướng hiện nay tại trường Đại học kinh tế Đà Nẵng trong việc đáp ứng nhu cầu giảng dạy định hướng phát huy tiềm năng người học và đáp ứng các yêu cầu của

đảm bảo chất lượng đào tạo theo chuẩn Đảm bảo chất lượng Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA 3.0, 2015).

2.2. Phong cách học

David Kolb (1984) đã xây dựng mô hình phong cách học và công cụ đánh giá phong cách học LSI (Learning styles inventory). Quan điểm của ông về phong cách học không phải xuất phát từ những nét tính cách cố định mà là ưu thế học tập khác nhau thay đổi từ tình huống này sang tình huống khác. Kết quả đo phong cách học bằng phương pháp LSI là tương đối ổn định trong một thời gian dài. Nghiên cứu dựa trên mô hình phong cách học của Kolb với mục đích chỉ cho chúng ta thấy làm thế nào để việc học thành công.

Phong cách học là khái niệm để chỉ đặc trưng cốt lõi của mỗi cá nhân trong hai thước đo là thu thập thông tin và xử lý thông tin. Việc thu thập thông tin phản ánh sự khác biệt giữa cách tiếp sự việc, hiện tượng thông qua kinh nghiệm cụ thể hoặc lý thuyết, khái niệm trừu tượng. Khía cạnh về xử lý thông tin là cách phân biệt sự quan sát có suy nghĩ với những hành động thực tiễn.

Có 2 cách thu thập thông tin:

- Kinh nghiệm cụ thể (CE – concrete experience) là cách trực tiếp thông qua những kinh nghiệm gặp phải từ cuộc sống. Đối với những cá nhân sở hữu đặc điểm này thì chất lượng nguồn thông tin được thể hiện ở những điểm mà họ có thể thấy được, cảm nhận được một cách rõ ràng. Vì thế họ có xu hướng đắm mình trong những hoàn cảnh thực tế để học tập chúng.

- Trừu tượng, khái quát (AC abstract conceptualization) được thực hiện tốt nhất khi những thông tin đó có đặc tính như sự trừu tượng, khái quát, hình tượng hay những giả thiết và những thông tin này đã được kiểm tra sự hợp lý một cách chắc chắn.

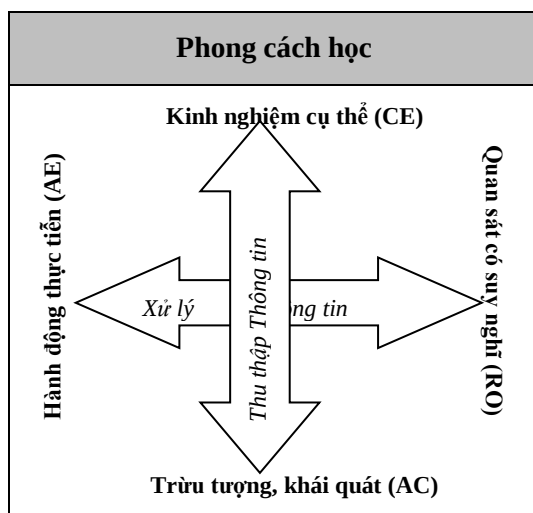
Những cá nhân định hướng đặc điểm này học tốt khi họ đọc được những lý thuyết và có cơ hội suy nghĩ và phân tích về chúng một cách logic và hệ thống.

Có 2 cách xử lý thông tin:

- Quan sát có suy nghĩ (RO – reflective observation) là cách đánh giá thông tin mà đặt nó trong những hoàn cảnh khác nhau để ngẫm nghĩ lại và thăm dò những nghĩa khác nhau có thể xảy ra. Việc đưa ra các phán xét hấp tấp là điều tối kỵ đối với những cá nhân thuộc khuynh hướng này. Khi đưa ra một nhận định hay một cách giải quyết vấn đề thì họ thường suy nghĩ kỹ lưỡng và cẩn thận.

- Hành động thực tiễn (AE - active experimentation) chính là đáp lại những thông tin nhận được bằng cách đưa ra những hành động thực hành ngay lập tức. Những người có đặc điểm này thích thử nghiệm với những thông tin mới hay đưa ra các phản ứng lại những vấn đề và tình huống có liên quan để khám phá ra các ẩn ý và những điều có ích liên quan đến thông tin.

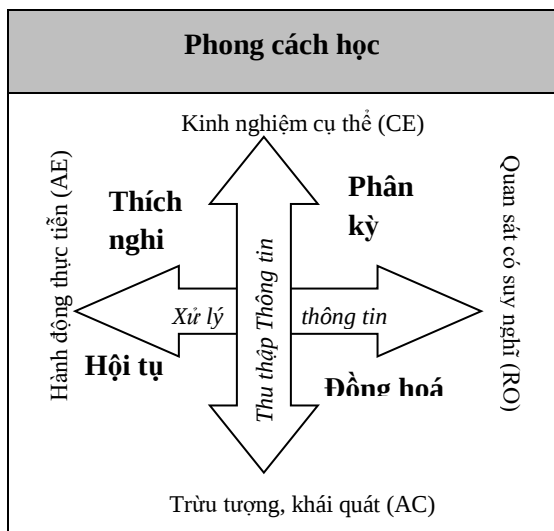
Mô hình phong cách học với 2 biến số thu thập và xử lý thông tin được thể hiện như ở Hình 1 dưới đây.



Hình 1: Mô hình phong cách học

(Nguồn: Mô hình phong cách học, Phát triển kỹ năng quản trị, Whetten và Cameron (2011), trang 71)

Mỗi cá nhân định hướng ở mức độ khác nhau trong thu thập và xử lý thông tin, biểu hiện bằng các điểm số mô tả các xu hướng này và từ đó hình thành nên phong cách học của các cá nhân. Sự kết hợp hai xu hướng ưu tiên của thu thập và xử lý thông tin của mỗi cá nhân hình thành nên các loại phong cách học như được mô tả ở Hình 2 dưới đây.



Hình 2: Các loại phong cách học

Phong cách học phân kỳ: Được thể hiện ở những cá nhân có điểm số nổi trội ở thước đo về mặt kinh nghiệm thực tế (CE) và sự quan sát có suy nghĩ (RO). Những người thuộc phong cách học này thường có khả năng rất tốt trong việc đưa ra nhiều khía cạnh, quan điểm, cách nhìn khác nhau khi gặp một tình huống trong thực tế, phù hợp trong những tình huống đòi hỏi những ý tưởng tổng quát và sự sáng tạo trong việc đưa ra những khả năng lựa chọn cách giải quyết. Những cá nhân thuộc phong cách này thường có những đặc trưng tiêu biểu sau: tư duy sáng tạo; có tài phát minh trong các hoạt động cần sự giải quyết đối với những vấn đề được đặt trong nhiều hoàn cảnh khác nhau; thích suy nghĩ và quan tâm đến nhiều thứ và mở rộng tầm hiểu biết về nó. Những ngành nghề phù hợp với phong cách học này: nghệ thuật, lịch sử, khoa học chính trị, ngoại ngữ, tâm lý học và những công việc có thể tương tác với mọi người.

Phong cách học đồng hóa: Được thể hiện ở những cá nhân có điểm số nổi trội ở thước đo về mặt quan sát có suy nghĩ (RO) và khái quát trừu tượng (AC). Những người thuộc phong cách học này thường có khả năng rất tốt trong việc xử lý những thông tin có một phạm vi khá rộng, hỗn độn thành những ý nhỏ ngắn gọn, súc tích và có tính logic cao. Những cá nhân thuộc phong cách học này thường có những đặc tính nổi trội sau: có những lý luận súc tích, quy nạp; có khả năng thiết lập và sắp xếp những tài liệu vào trong một bố cục phù hợp. Đối với họ rất quan trọng để có được một lý thuyết với một sự logic hoàn hảo hơn là những giá trị thực tế. Những ngành nghề phù hợp với phong cách học này: Những ngành có sự tiếp cận thông tin và mang tính khoa học, giảng dạy, đọc sách như nghiên cứu giáo dục, luật,...

Phong cách học hội tụ: Được thể hiện ở những cá nhân có điểm số nổi trội ở thước đo khái quát trừu tượng (AC) và hành động thực tiễn (AE). Những cá nhân thuộc phong cách này thường có khả năng rất tốt trong việc tìm cách áp dụng những ý tưởng và những lý thuyết suông thành những bài thực hành có ích. Họ quan tâm đến những việc liên quan đến giải quyết vấn đề hơn là những công việc đòi hỏi tính xã hội cao hoặc có tính tương tác với người khác. Những ngành nghề phù hợp với phong cách học này: kỹ sư, nhà khoa học máy tính, nhà bào chế thuốc...

Phong cách học thích ứng: Được thể hiện ở những cá nhân có điểm số cao ở thước đo kinh nghiệm cụ thể (CE) và hành động thực tiễn (AE). Những cá nhân sở hữu phong cách học này là những cá nhân có khả năng tốt trong việc phát huy khả năng thực hành của họ. Họ thích thể hiện những kế hoạch mang tính sáng tạo và thách thức đối với họ. Những cá nhân này thiên về sự cảm nhận và sự phán đoán hơn là dựa vào những sự phân tích hợp lý. Họ phù hợp với những hành động đòi hỏi sự mạo hiểm và sự chính xác. Những ngành nghề phù hợp với

phong cách học này: kinh doanh, marketing, tài chính, quản trị,...

3. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả đã sử dụng bài trắc nghiệm phong cách học, phân tích đặc điểm phong cách học bằng so sánh, phân tích nhận diện đặc điểm phong cách học theo các ngành. Trên cơ sở đặc điểm phong cách học của các chuyên ngành, đề xuất và kết hợp thảo luận nhóm với giảng viên, những người đang tham gia giảng dạy tại các chương trình thạc sĩ để từ đó đưa ra hệ thống các định hướng trong ứng dụng phong cách học vào việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động giảng dạy.

Trong điều tra trực tiếp bằng bản câu hỏi, tác giả sử dụng trắc nghiệm phong cách học được giới thiệu trong sách “Phát triển kỹ năng quản trị” của Whetten và Cameron (2011).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đặc điểm dữ liệu phong cách học của các ngành học

Bài trắc nghiệm phong cách học cho kết quả phong cách học của mỗi cá nhân và được

thống kê theo mỗi loại phong cách học theo mỗi chuyên ngành như ở Biểu 1 dưới đây.

Biểu 1: Thống kê PCH theo các ngành học

Ngành học	Phong cách học				Tổng số
	Phân kỳ	Đồng hoá	Hội tụ	Thích ứng	
Quản trị k.doanh	8	11	19	89	127
Kế toán	2	15	30	5	52
Tài chính n.hàng	28	13	8	9	58
Kinh tế p.triển	7	5	2	3	17
Quản lý k.tế	11	6	4	4	25
Tổng số	56	50	63	110	279

Số liệu tại Biểu “Thống kê phong cách học theo các ngành học” (Biểu 1) thể hiện khá rõ sự phân bố khác nhau của các phong cách học tại mỗi ngành học. Để mô tả theo tỷ lệ phân bố của mỗi phong cách học của mỗi ngành có thể xem xét dữ liệu theo tỷ lệ % của phân bố phong cách học như ở Biểu 2 dưới đây.

Biểu 2: Phân bố PCH theo các ngành học

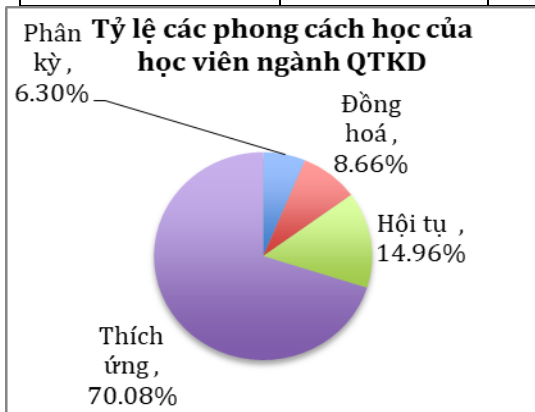
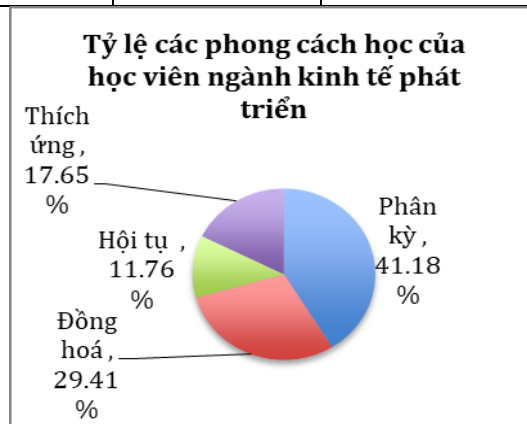
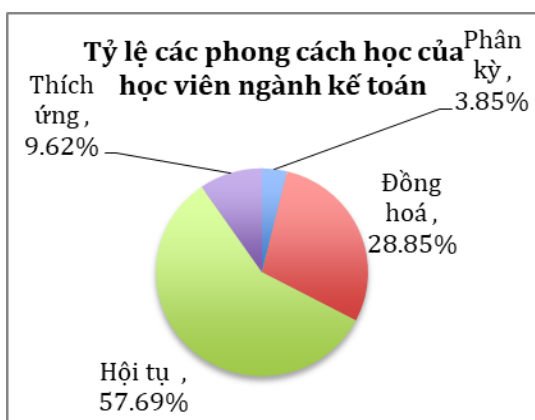
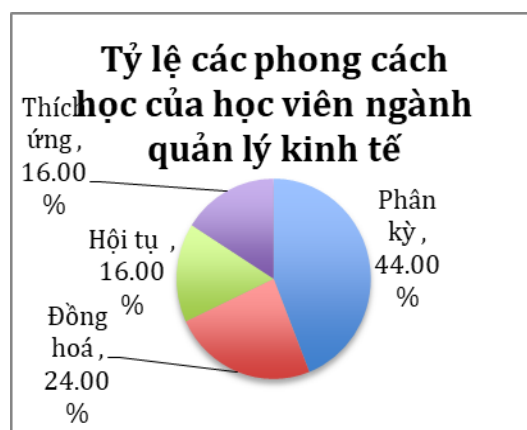
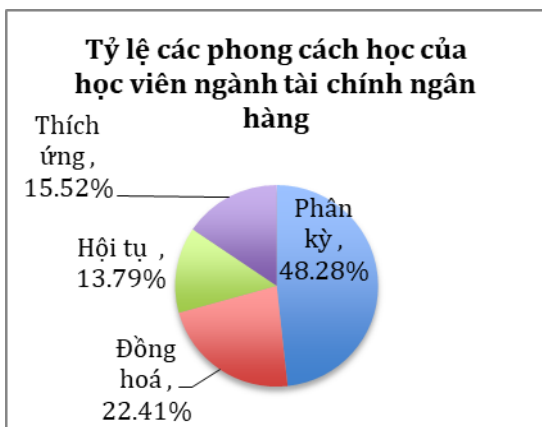
Ngành học	Phong cách học				Tổng số
	Phân kỳ	Đồng hoá	Hội tụ	Thích ứng	
Quản trị kinh doanh	6,30%	8,66%	14,96%	70,08%	100,00%
Kế toán	3,85%	28,85%	57,69%	9,62%	100,00%
Tài chính ngân hàng	48,28%	22,41%	13,79%	15,52%	100,00%
Kinh tế phát triển	41,18%	29,41%	11,76%	17,65%	100,00%
Quản lý kinh tế	44,00%	24,00%	16,00%	16,00%	100,00%

Một tỷ lệ phân bố khá khác biệt, với mức phân bố khá cao (70%) ở phong cách học thích ứng đối với ngành quản trị kinh doanh. Trong khi đó tỷ lệ phong cách học chiếm tỷ lệ thấp ở các chuyên ngành còn lại (ngành quản lý kinh tế: 16,00%; ngành kế toán 9,62%,...). Tương tự có thể đưa ra các nhận xét khác nhau về sự

phân bố rất khác biệt giữa các ngành đối với các kiểu phong cách học. Để nhận rõ hơn sự khác biệt có thể theo dõi sự phân bố thông qua các biểu đồ ở các Hình 3 đến Hình 7 về phân bố phong cách học theo mỗi ngành. Cụ thể thứ tự của phân bố phong cách học như được thể hiện ở Biểu 3 dưới đây.

Biểu 3: Thứ tự phân bố PCH các chuyên ngành

Ngành học	1	2	3	4
Quản trị kinh doanh	Thích ứng	Hội tụ	Đồng hoá	Phân kỳ
Kế toán	Hội tụ	Đồng hoá	Thích ứng	Phân kỳ
Tài chính ngân hàng	Phân kỳ	Đồng hoá	Thích ứng	Hội tụ
Kinh tế phát triển	Phân kỳ	Đồng hoá	Thích ứng	Hội tụ

**Hình 3: Phong cách học ngành QTKD****Hình 6: Phong cách học ngành kinh tế phát triển****Hình 4: Phong cách học ngành kế toán****Hình 7: Phong cách học ngành quản lý kinh tế****Hình 5: Phong cách học ngành tài chính – ngân hàng**

4.2. Đánh giá đặc điểm phong cách học các chuyên ngành

Ngành Quản trị kinh doanh

Có 70,08% học viên sở hữu phong cách học thích ứng. Người có phong cách học này sử dụng phương pháp làm thử mới biết sai hơn là suy ngẫm và phản ánh. Họ giỏi trong việc thích ứng với những hoàn cảnh thay đổi và giải quyết các vấn đề theo trực giác. Đây là phong cách học dựa trên kinh nghiệm thực tế và hành động thực tiễn. Học viên sẽ có

khuyến hướng nắm bắt thông tin dựa trên những kinh nghiệm cụ thể, dựa trên những điều mà họ đã từng chứng kiến, từng học hoặc trải nghiệm được. Các quyết định để xử lý thông tin được diễn ra nhanh chóng bằng sự cảm nhận và phán đoán, có khuyến hướng trải nghiệm nhiều hơn là tư duy phân tích hệ thống. Họ là những người sáng tạo và sẵn sàng đón nhận thách thức.

Ngành Kế toán

Có 57,69% học viên có phong cách học hội tụ, nghĩa là họ có thể mạnh thu thập thông tin bằng cách khái quát trừu tượng và đánh giá thông tin qua hành động thực tiễn. Người có phong cách học này thường tập trung vào việc áp dụng trong thực tế các sáng kiến và giải quyết các vấn đề. Họ thích ra quyết định, giải quyết vấn đề và lựa chọn những vấn đề có tính kỹ thuật hơn là những vấn đề thuộc con người.

Nhóm ngành Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế phát triển và Quản lý kinh tế

Đa phần học viên các ngành tài chính – ngân hàng, kinh tế phát triển và quản lý kinh tế có phong cách học phân kỳ (lần lượt là 48,28%, 41,18% và 44%), tức họ chọn thu thập thông tin bằng kinh nghiệm thực tế và xử lý tình huống bằng quan sát có suy nghĩ. Người có phong cách học này thường có giải pháp sáng tạo và giàu sức tưởng tượng khi thực hiện công việc. Họ xem xét các tình huống cụ thể từ nhiều góc độ và thích ứng qua quan sát hơn là hành động. Cách học này có xu hướng quan tâm đến con người và được định hướng bởi tình cảm. Họ thích những hoạt động hợp tác nhóm và động não.

5. Giải pháp ứng dụng phong cách học trong đào tạo thạc sĩ

Nhận diện phong cách học giúp cho giảng viên thêm thấu hiểu đặc điểm của người học để có cơ sở lựa chọn phương pháp giảng và tổ chức các hoạt động dạy học hiệu quả hơn. Đối với người học viên, thấu hiểu phong

cách học bản thân giúp họ lựa chọn cách thức học tập đạt hiệu quả tốt hơn.

Trên cơ sở nhận diện và đánh giá đặc điểm phong cách học như đã nêu, nhóm tác giả đề xuất các định hướng cho giảng viên và học viên tham gia học tập tại các chương trình đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng. Bên cạnh đó cũng lưu ý là nội dung định hướng của nhóm tác giả hướng đến đặc điểm chung về phong cách học của số đông các học viên các ngành học. Giảng viên cũng cần nên xem xét điều chỉnh kịch bản giảng dạy theo định hướng của các cá nhân trong các tình huống cụ thể, ví dụ khi hướng dẫn thực tập thì cần đánh giá học viên của ngành có đặc điểm chung hay có đặc điểm phong cách học khác. Về phía học viên cũng cần nhận diện phong cách học bản thân để có thể một mặt vừa tìm cách cách học phù hợp cá nhân, một mặt khắc phục những đặc điểm phong cách học của mình để phù hợp với các học viên trong nhóm / trong lớp trong quá trình học.

Ngành Quản trị kinh doanh

Về phía giảng viên

(1) Giảm áp lực về mặt giáo trình; (2) học viên được đóng vai tình huống thực tế về chương trình kinh doanh, để họ phát huy được khả năng đi trước đón đầu, lãnh đạo, thể hiện quyền và trách nhiệm khi ra quyết định; (3) tập kích não để học viên phát huy độ nhanh nhẹn trong xử lý tình huống; gia tăng thách thức liên tục để học viên thể hiện được sự nhạy bén và động lực chinh phục của mình; (4) Mời các chuyên gia, hoặc chính giảng viên trở thành chuyên gia với nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong nhà trường hoặc doanh nghiệp bên ngoài; (5) Lấy người học làm trung tâm, để học viên tương tác nhóm, phản biện xử lý tình huống là cách để học viên hứng thú và chú tâm vào nội dung học; (6) Đưa yêu cầu các bài tập lớn, để

các cá nhân tương tác nhóm, tự học hỏi lẫn nhau và hướng tới hoàn thiện mục tiêu xây dựng, quản trị nhóm hiệu quả.

Về phía học viên

(1) Học viên nên vừa học vừa làm, chú ý cân bằng thời gian đi làm và thời gian học, tự nghiên cứu. (2) Quản trị cá nhân: quản trị stress, quản trị thời gian, quản trị cảm xúc, ra quyết định, xây dựng thương hiệu cá nhân, quản trị tài chính, có đầu óc tổ chức, quản lý, dám nghĩ dám làm. Tự lập chiến lược phát triển cá nhân, trong đó để mỗi học viên đánh giá trung thực nhất về phong cách học, để họ tự lập được sứ mệnh, viễn cảnh, các mục tiêu ngắn hạn, dài hạn, lộ trình đào tạo và phát triển cá nhân. (3) Viết nhật ký công việc và học tập. (4) Định hướng mở rộng sang các phong cách học khác.

Ngành Kế toán

Về phía giảng viên

Thường xuyên cập nhật các nội dung về luật liên quan như: luật kế toán; luật doanh nghiệp; các thông tư, nghị định liên quan; (2) khi học viên đã nắm vững lý thuyết chuyên môn, giảng viên cần đẩy mạnh vào giải quyết vấn đề để tạo thành kỹ năng xử lý vấn đề; (3) tập trung thời gian vào việc giải quyết công việc đúng chuyên môn.

Về phía học viên

Chủ động tìm kiếm những cơ hội để tiếp xúc và làm việc thực tế trên chứng từ của doanh nghiệp; (2) Chú trọng vào trang bị về kiến thức và kỹ năng ghi chép, thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động kinh tế tài chính; (3) Tự rèn luyện kỹ năng giao tiếp; (4) Định hướng mở rộng sang các phong cách học khác.

Nhóm ngành Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế phát triển và Quản lý kinh tế

Về phía đội ngũ giảng viên

(1) Giảm bớt áp lực về mặt giáo trình; (2) Đưa ra các ví dụ về thành công và thất bại của các doanh nghiệp, nhấn mạnh vào sự

khác biệt giữa lý thuyết với hoạt động thực tiễn, phân tích tình hình là thế mạnh của nhóm học viên này; (3) Các bài tập lớn chú trọng vào tương tác nhóm; (4) Lắng nghe, chú tâm tới quan điểm của học viên là cách tạo động lực hiệu quả; (5) Khuyến khích, hỗ trợ học viên phát triển ý tưởng.

Về phía học viên

(1) Chủ động tìm kiếm tài liệu, tự cô đọng lý thuyết và xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu; (2) Theo dõi, mạnh dạn tham gia các tình huống, chương trình kinh doanh do nhiều đơn vị tổ chức (“Chìa khóa thành công”, “Làm giàu không khó”, v.v...) học hỏi hoặc tích lũy từ mẫu người thành công hoặc người thất bại, trải nghiệm bằng chính trải tìm và khối óc của họ mới là động lực học tập. (3) Tự tin trình bày các quan điểm và đề xuất ý tưởng với giảng viên. (4) Định hướng mở rộng sang các phong cách học khác.

6. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu ta nhận thấy, học viên hệ thạc sĩ có nhiều phong cách học khác nhau và phân bổ phong cách học khác nhau giữa các chuyên ngành đào tạo. Đứng trên phương diện nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc phân loại phong cách học, cả giảng viên và học viên trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng cần có trách nhiệm tìm hiểu cách thu thập và xử lý thông tin đặc trưng về phong cách học mỗi chuyên ngành. Người dạy cần linh hoạt trong việc đánh giá người học và định hướng đào tạo trọng tâm, khai thác tối đa thế mạnh và hoàn thiện những mặt hạn chế của học viên. Bên cạnh đó người học cần tự ý thức để hoàn thiện mình và tự phát triển dựa trên những hiểu biết về cá nhân và nhu cầu xã hội. Bài nghiên cứu đã đánh giá bức tranh chân thật về phong cách học của các chuyên ngành, từ đó đưa ra các giải pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả chương trình đào tạo thạc sĩ tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ*, Hà Nội.
- Đặng Xuân Hải (2016), *Lý luận dạy học đại học*, Hà Nội.
- Huỳnh Thị Thu Sương (2011), *Đo lường và đánh giá các biến số cá nhân cốt lõi trong sinh viên kinh tế Đà Nẵng*, Khóa luận tốt nghiệp, trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.
- Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Thị Loan (2009). *Phát triển kỹ năng quản trị*, NXB Học viện tài chính, Hà Nội.
- Asean University Network (2015), *Asean University Network Quality Assurance 3.0*, Bangkok Thailand.
- Cristina Tulbure (2012), Investigating the Relationship between Teaching Strategies and Learning Styles in Higher Education, *Acta Didactica Napocensia*, Volume 5, Number 1, p.65-74.
- David A. Kolb (1984), *Learning Style Inventory*, Case Western Reserve University.
- Mary Wilson (2012), Students' Learning Style Preferences and Teachers' Instruction Strategies: Correlations Between Matched Styles and Academic Achievement, *SRATE Journal*, Vol. 22, Number 1, p.36-44.
- Whetten D., Cameron (2011), *Developing management skills*, 8ed, Prentice Hall.
- Website: Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam Quý I/2016, <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=24726> (truy cập 9/9/2017)